

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG ĐÔ THỊ¹

NGUYỄN NHƯ TRANG*

Tóm tắt: Trên thế giới, đặc biệt là ở các nước phương Tây và Hoa Kỳ, chủ đề nghiên cứu văn hóa cộng đồng đã trải qua không ít những thăng trầm do biến đổi của cấu trúc xã hội, đặc biệt là tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa. Với phương pháp tổng quan, bài viết giới thiệu một số tiếp cận lý thuyết nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị như: lý thuyết chức năng, lý thuyết tương tác biểu trưng, đặc biệt là lý thuyết hiện đại hóa và biến đổi văn hóa. Đây là những khuynh hướng lý thuyết có thể vận dụng trong nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị ở Việt Nam hiện nay. Việc áp dụng các lý thuyết này giúp nhận diện vai trò của văn hóa cộng đồng trong ổn định xã hội, đồng thời cũng mở ra khả năng so sánh giữa văn hóa cộng đồng đô thị ở Việt Nam với các cộng đồng đô thị quốc tế, từ đó rút ra những bài học và hướng phát triển nghiên cứu phù hợp.

Từ khóa: văn hóa cộng đồng, đô thị, lý thuyết nghiên cứu.

Nhận bài: 27/6/2025

Gửi phản biện: 22/8/2025

Duyệt đăng: 23/10/2025

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh đô thị hóa ngày càng phát triển tại Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, nghiên cứu về đời sống đô thị không chỉ giới hạn ở các vấn đề kinh tế, kỹ thuật hay quy hoạch không gian, mà ngày càng đòi hỏi một cái nhìn sâu sắc hơn về các phương diện văn hóa-xã hội. Cộng đồng đô thị không chỉ là nơi cư trú đông đúc, mà còn là môi trường sản sinh, truyền tải và biến đổi các giá trị, chuẩn mực và hành vi văn hóa. Văn hóa cộng đồng đô thị vì thế trở thành một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng để hiểu rõ hơn về đời sống con người trong các không gian xã hội hiện đại, năng động và đa dạng.

Tuy nhiên, nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị đặt ra nhiều câu hỏi cả về mặt khái niệm lẫn phương pháp tiếp cận trong bối cảnh cộng đồng đô thị thường không thuần nhất, mà bao gồm nhiều nhóm xã hội có xuất thân, nghề nghiệp, trình độ học vấn và nền tảng văn hóa khác nhau. Sự đa dạng này tạo nên tính phức hợp trong các khuôn mẫu ứng xử, từ cách giao tiếp, tiêu dùng, đến việc tham gia vào các thiết chế văn hóa và hoạt động cộng

¹ Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ: Văn hóa cộng đồng ở đô thị và những vấn đề đặt ra (Nghiên cứu trường hợp thành phố Vinh và thành phố Hải Phòng) do TS. Nguyễn Như Trang làm chủ nhiệm.

* Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

đồng. Do đó, việc nhận diện và phân tích văn hóa trong cộng đồng cư dân đô thị cần những tiếp cận lý thuyết khoa học.

Từ góc nhìn xã hội học, bài viết này giới thiệu sơ bộ một số tiếp cận lý thuyết nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị: chức năng luận, tương tác biểu trưng, hậu cấu trúc và hiện đại hóa, cũng như lý thuyết hiện đại hóa và biến đổi văn hóa. Các tiếp cận này không chỉ giúp mở rộng khung phân tích về văn hóa cộng đồng đô thị mà còn gợi mở các hướng tiếp cận đa chiều trong nhận diện văn hóa cộng đồng. Ở Việt Nam, bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng và sự đa dạng văn hóa ngày càng gia tăng đặt ra nhu cầu vận dụng linh hoạt các lý thuyết này để lý giải những biến đổi xã hội đang diễn ra. Việc kết hợp các cách tiếp cận sẽ giúp nhận diện sâu sắc hơn sự hình thành, tái tạo và biến đổi các giá trị văn hóa trong đời sống đô thị. Do đó, những khuynh hướng lý thuyết được trình bày có thể xem là nền tảng hữu ích cho các nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị ở Việt Nam hiện nay.

2. Cộng đồng đô thị và một số luận điểm lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị

Năm 1887, trong cuốn cộng đồng và xã hội, nhà xã hội học người Đức Ferdinand Tönnies coi cộng đồng là một hình thái xã hội được đặc trưng bởi các mối quan hệ gần gũi, tình cảm và mang tính cá nhân. Đây là loại hình xã hội truyền thống, nơi các cá nhân gắn kết với nhau bởi những chuẩn mực và niềm tin chung, không gian vật lý chung, tình cảm và sự gắn kết tự nhiên với những mục tiêu chung. Các mối quan hệ này dựa trên ý chí tự nhiên bao gồm tình cảm, truyền thống và các mối liên kết chung. Cơ sở cho ý chí tự nhiên này nằm ở gia đình hay đất đai (tức là sống và làm việc ở một nơi chung). Chủ nghĩa cộng đồng được đặc trưng bởi sự đồng nhất mạnh mẽ (của cá nhân) với cộng đồng, của chủ nghĩa cảm xúc, chủ nghĩa truyền thống (dẫn theo Lyon và Driskell, 2012). Một trong những nhà xã hội học Mỹ đầu tiên định nghĩa cộng đồng là Robert Park (1936), trong đó có các đặc điểm thiết yếu của cộng đồng là: (1) một quần thể được tổ chức theo lãnh thổ, (2) ít nhiều bám vào ruộng đất mà nó chiếm giữ, (3) các đơn vị cá nhân của nó sống trong mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau... (dẫn theo Lyon và Driskell, 2012). Năm 1955, George Hilling (1955) đã thực hiện một phân tích tổng hợp 94 định nghĩa về cộng đồng, trong đó, khoảng 73% các định nghĩa bao gồm 3 yếu tố cơ bản: (1) chung/về khu vực, (2) cùng chia sẻ lợi ích và (3) có mối quan hệ giữa các thành viên (dẫn theo Lyon và Driskell, 2012).

Ý thức cộng đồng được hình thành trên cơ sở mỗi thành viên cộng đồng đều hiểu được rằng mình là một bộ phận của cộng đồng. Có 3 loại cộng đồng cơ bản: 1) cộng đồng dựa trên quan hệ huyết thống là gia đình, họ tộc; 2) cộng đồng dựa trên quan hệ láng giềng, nghĩa là có chung một nơi cư trú và 3) cộng đồng dựa trên sự gắn kết về tinh thần. Với mỗi loại hình thái cộng đồng sẽ tương ứng với một không gian lịch sử. Hình thái cộng đồng dựa trên quan hệ huyết thống thì không gian sống là ngôi nhà, cộng đồng dựa trên quan hệ láng giềng thì không gian sống là ngôi làng.

Tuy nhiên, cộng đồng đô thị không đơn thuần là sự mở rộng về quy mô địa lý hay dân số, mà là một hình thái xã hội đặc thù với những đặc điểm văn hóa-xã hội riêng biệt. Sự chuyển dịch từ cộng đồng truyền thống khép kín sang cộng đồng đô thị mở phản ánh một quá trình biến đổi sâu sắc trong cấu trúc xã hội, mô hình quan hệ và khuôn mẫu ứng

xử. Các mối quan hệ trong đô thị ít mang tính cảm xúc cá nhân mà ngày càng chịu sự chi phối bởi lý tính, chức năng và lợi ích. Tuy vậy, điều này không có nghĩa là văn hóa cộng đồng biến mất, mà thay vào đó, nó được biểu hiện dưới những hình thức mới, linh hoạt và đa dạng hơn. Việc nhận diện và phân tích các khuôn mẫu ứng xử cộng đồng trong bối cảnh đô thị vì thế trở thành một cách hữu hiệu để tiếp cận văn hóa đô thị, từ đó làm rõ cách con người kiến tạo và duy trì cộng đồng trong không gian hiện đại. Tiếp sau đây bài viết giới thiệu sơ bộ một số luận điểm lý thuyết trong nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị.

Trường phái chức năng luận: Văn hóa cộng đồng như hệ thống duy trì trật tự xã hội

Trường phái chức năng luận, nổi bật ở nửa đầu thế kỷ XX, kế thừa trực tiếp tư tưởng của Emile Durkheim khi xem văn hóa như nền tảng tạo nên sự gắn kết và ổn định xã hội. Talcott Parsons đại diện tiêu biểu của khuynh hướng này nhấn mạnh rằng văn hóa cung cấp hệ thống giá trị và chuẩn mực có khả năng định hướng hành vi cá nhân trong cộng đồng, nhờ đó đảm bảo sự hài hòa trong vận hành của toàn bộ hệ thống xã hội (Parsons, 1951). Mô hình hành động xã hội của ông, văn hóa đóng vai trò như một cấu phần trung gian, kết nối giữa động cơ cá nhân và các ràng buộc của cấu trúc xã hội, giúp cá nhân hành động phù hợp với kỳ vọng chung. Robert K. Merton tiếp tục phát triển hướng tiếp cận chức năng luận bằng việc giới thiệu cặp khái niệm chức năng rõ ràng (manifest functions) và chức năng tiềm ẩn (latent functions), làm tăng chiều sâu phân tích đối với hiện tượng văn hóa. Theo Merton, một yếu tố văn hóa có thể mang mục đích công khai, dễ nhận thấy, chẳng hạn giáo dục nhằm truyền đạt tri thức nhưng đồng thời lại sản sinh các hệ quả tiềm ẩn như củng cố sự phân tầng hay duy trì trật tự xã hội theo những cách không được dự tính trước (Merton, 1968). Cách tiếp cận này mở ra khả năng phân tích văn hóa cộng đồng như một hiện tượng đa tầng, vừa phục vụ mục tiêu xã hội chính thức, vừa tạo ra các tác động sâu xa chi phối đời sống cộng đồng đô thị.

Có thể thấy chức năng luận thực sự hữu ích trong việc lý giải vai trò tích cực của văn hóa đối với sự ổn định và gắn kết của cộng đồng đô thị, đặc biệt khi xem văn hóa như cơ chế điều tiết hành vi và duy trì trật tự xã hội. Nhờ nhấn mạnh vào sự hài hòa của hệ thống, lý thuyết này giúp nhận diện cách các giá trị, chuẩn mực và thiết chế văn hóa vận hành để tạo nên sự ổn định cần thiết trong các môi trường đô thị ngày càng đa dạng. Tuy nhiên, chính trọng tâm vào “trật tự và đồng thuận” lại làm cho cách tiếp cận này khó nắm bắt được những khác biệt, căng thẳng và xung đột vốn rất đặc trưng của đời sống đô thị, nơi nhiều nhóm xã hội với lợi ích, vị thế và nền tảng văn hóa khác nhau cùng tồn tại. Do vậy, chức năng luận thường bị phê phán là giản lược tính đa nghĩa của văn hóa, xem nhẹ sự đối kháng giữa các nhóm, và không giải thích thỏa đáng các quá trình biến đổi văn hóa diễn ra nhanh chóng trong bối cảnh đô thị hóa. Những hạn chế này cho thấy cần kết hợp chức năng luận với các lý thuyết khác để có cái nhìn toàn diện hơn trong nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị.

Tương tác biểu trưng: Văn hóa cộng đồng trong hành động xã hội thường nhật

Trường phái tương tác biểu trưng tập trung phân tích cách con người kiến tạo và duy trì văn hóa thông qua các tương tác xã hội thường nhật. Theo quan điểm này, văn hóa không phải là một hệ thống được áp đặt từ bên ngoài, mà được hình thành trong đời sống cộng

đồng thông qua quá trình sử dụng ngôn ngữ, biểu tượng, nghi thức và các biểu đạt cảm xúc (Mead, 1934). Erving Goffman, với cách nhìn nhận xã hội như một sân khấu, nhấn mạnh rằng hành vi văn hóa chính là những “màn trình diễn” mà cá nhân thực hiện nhằm thể hiện vai trò xã hội và tìm kiếm sự thừa nhận từ người khác (Goffman, 1959). Trong bối cảnh đó, văn hóa nhóm đóng vai trò như một “nguồn lực biểu tượng”, cho phép cá nhân và các nhóm xã hội xây dựng bản sắc cũng như định hình các mối quan hệ trong đời sống hằng ngày thông qua hành vi ứng xử.

Hướng tiếp cận này đặc biệt hữu ích trong việc lý giải sự đa dạng và linh hoạt của các khuôn mẫu ứng xử trong môi trường đô thị, nơi tương tác diễn ra liên tục và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của bối cảnh xã hội vi mô. Nó cũng giúp nhận diện sự thương thảo, điều chỉnh và sáng tạo văn hóa của các nhóm cư dân khác nhau trong không gian đô thị. Đồng thời, tiếp cận tương tác biểu trưng nhấn mạnh vai trò chủ động của cá nhân trong việc kiến tạo ý nghĩa, cho thấy văn hóa không tĩnh tại mà luôn được tái cấu trúc qua thực tiễn của đời sống cộng đồng. Qua đó, lý thuyết này mở ra khả năng phân tích các hiện tượng văn hóa đô thị từ mức độ vi mô - nơi những tương tác nhỏ bé lại góp phần định hình cấu trúc văn hóa rộng lớn hơn. Tuy nhiên, hạn chế của tiếp cận lý thuyết này là thiếu khả năng lý giải các yếu tố quyền lực xuất hiện trong đời sống cộng đồng đô thị.

Hậu cấu trúc và hậu hiện đại: Văn hóa cộng đồng là diễn ngôn, là sự lai ghép

Các lý thuyết hậu cấu trúc và hậu hiện đại nổi lên từ cuối thế kỷ 20, phản ứng lại tính ổn định và tính phổ quát mà các lý thuyết trước đó thường giả định. Đối với Michel Foucault, văn hóa là kết quả của diễn ngôn, các hệ thống tri thức quy định cái gì là “chân lý”, cái gì được chấp nhận và ai được phát ngôn (Foucault, 1969). Theo quan điểm này nghĩa là văn hóa gắn chặt với quyền lực trong việc kiến tạo tri thức và chủ thể. Pierre Bourdieu bổ sung chiều sâu xã hội học khi phân tích văn hóa như một hình thức vốn xã hội. Ông cho rằng sự tiêu dùng văn hóa không hề trung lập, mà phản ánh địa vị xã hội của cá nhân, ví dụ: việc đọc tiểu thuyết cổ điển, nghe nhạc giao hưởng hay cách nói năng đều là “dấu hiệu” của sự phân biệt giai cấp (Bourdieu, 1984). Ông khẳng định văn hóa không đơn thuần là sản phẩm của xã hội, mà còn là một cơ chế then chốt trong việc duy trì và tái sản xuất bất bình đẳng xã hội thông qua vốn văn hóa và hệ thống giáo dục (Bourdieu, 1977).

Cách tiếp cận hậu hiện đại giúp nhận diện văn hóa cộng đồng đô thị như một không gian đấu tranh biểu tượng, nơi các nhóm xã hội khác nhau cạnh tranh để khẳng định tiếng nói, giá trị và vị thế của mình. Trong bối cảnh đô thị đa dạng, văn hóa không mang tính thống nhất mà được tạo thành từ những diễn ngôn đan xen, đôi khi mâu thuẫn, phản ánh sự phức hợp của đời sống đô thị hiện đại. Lý thuyết hậu hiện đại còn nhấn mạnh hiện tượng lai ghép, nơi các yếu tố văn hóa truyền thống, đại chúng, toàn cầu và địa phương hòa trộn, tạo nên những dạng thức văn hóa mới khó phân loại theo mô hình cổ điển. Pierre Bourdieu bổ sung chiều sâu xã hội học khi phân tích văn hóa như một hình thức vốn xã hội, cho thấy thực hành văn hóa không trung lập mà gắn với cấu trúc giai cấp và sự phân tầng xã hội (Bourdieu, 1977; 1984). Những lựa chọn văn hóa của cư dân đô thị từ phong cách sống, cách tiêu dùng, ngôn ngữ giao tiếp đến thị hiếu nghệ thuật đều phản ánh vị thế xã hội và là phương tiện tái sản xuất sự khác biệt. Vận dụng các tiếp cận hậu cấu trúc và hậu hiện đại

trong nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị vì vậy cho phép phân tích sâu sắc hơn tính đa dạng, đa nghĩa và sự vận động phức tạp của văn hóa trong bối cảnh đô thị hóa và toàn cầu hóa hiện nay.

Các cách tiếp cận này đặt ra thách thức cho các định nghĩa cứng nhắc về văn hóa, đồng thời làm nổi bật tính linh hoạt, lai ghép và tính địa phương trong quá trình kiến tạo văn hóa. Tuy nhiên, sự phức tạp và tính phản kháng của chúng đôi khi gây khó khăn trong ứng dụng thực tiễn.

Lý thuyết hiện đại hóa và biến đổi văn hóa

Theo G. Endruweit và G. Trommsdorff, hiện đại hóa là một quá trình mà tại đó cái hiện hành được thay thế bằng cái mới. Theo nghĩa xã hội học phi giá trị, có thể hiểu đó là một *quá trình xã hội* trong đó *cấu trúc xã hội* dung nạp những yếu tố không tồn tại từ trước tới giờ và/hoặc mất đi những yếu tố hiện hành. Nhưng phần lớn, hiện đại hóa được dùng như là một khái niệm mang giá trị: cụ thể, thứ nhất là theo nghĩa *tiến bộ*, bởi vì các yếu tố hiện đại được nhìn nhận là tốt hơn và thứ hai theo nghĩa *tiến hóa* (Endruweit & Trommsdorff, 2022).

Tiếp cận hiện đại hóa được hình thành từ rất sớm, có nguồn gốc từ các nhà xã hội học kinh điển như Tonies, Durkheim, Weber, Parsons. Các công trình nghiên cứu của các tác giả này đã đặt nền móng cho các ý tưởng về xã hội hiện đại hóa dựa trên sự phân công lao động và quá trình duy lý hóa đời sống xã hội, trong đó sự tăng trưởng kinh tế không chỉ làm thay đổi cấu trúc xã hội, mà cả chính trị và văn hóa. Lý thuyết hiện đại hóa đề cập đến quá trình chuyển đổi từ các xã hội truyền thống (nông nghiệp và phi công nghiệp) sang các xã hội hiện đại, công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Dưới góc nhìn của lý thuyết hiện đại hóa, thì xã hội chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp là một sự chuyển đổi tuyến tính, bao gồm chuyển đổi từ cộng đồng nông thôn truyền thống sang các đô thị lớn, từ các giá trị truyền thống sang các giá trị hiện đại. Từ lối sống chủ yếu dựa trên cảm xúc và tương tác mặt đối mặt giữa các thành viên gia đình, họ hàng, hàng xóm chuyển sang các tương tác xã hội dựa trên các quan hệ chức năng như tính hợp lý, khoa học và chủ nghĩa cá nhân.

Lý thuyết hiện đại hóa là một trong những hướng tiếp cận nền tảng nhằm lý giải quá trình các xã hội truyền thống chuyển đổi thành xã hội hiện đại thông qua công nghiệp hóa, đô thị hóa, hợp lý hóa tổ chức và dân chủ hóa đời sống xã hội. Trong đó, biến đổi văn hóa được xem là yếu tố then chốt và song hành với biến đổi kinh tế, chính trị và xã hội. Theo Daniel Lerner (1958), hiện đại hóa không chỉ là sự chuyển dịch về cấu trúc vật chất mà còn là sự thay đổi “tâm thức” - tức sự chuyển từ tầm nhìn hạn chế, cục bộ sang tư duy phổ quát, mang tính lý trí và thế tục. Văn hóa truyền thống vốn đề cao cộng đồng, huyết thống, tín ngưỡng và thứ bậc, trong tiến trình hiện đại hóa sẽ dần được thay thế bởi các giá trị cá nhân, bình đẳng, tự chủ và định hướng tương lai.

Ronald Inglehart (1997) cũng nhấn mạnh rằng hiện đại hóa làm thay đổi hệ thống giá trị của con người, chuyển từ các giá trị sinh tồn - như an toàn, ổn định - sang các giá trị tự thể hiện - như tự do, sáng tạo và chất lượng cuộc sống. Quá trình này diễn ra mạnh mẽ ở

các thể hệ trẻ và trong các xã hội có trình độ phát triển cao. Biến đổi văn hóa trong hiện đại hóa không diễn ra đồng đều ở mọi xã hội, mà chịu ảnh hưởng của đặc điểm lịch sử, thể chế, và năng lực tiếp biến của từng cộng đồng.

Tuy vậy, lý thuyết hiện đại hóa cũng vấp phải nhiều phê phán, đặc biệt là việc áp đặt mô hình phương Tây và coi nhẹ vai trò của yếu tố văn hóa bản địa. Nhiều nhà nghiên cứu hậu thuộc địa cho rằng không thể xem hiện đại hóa như một lộ trình tuyến tính và phổ quát. Dù vậy, lý thuyết này vẫn cung cấp khung lý thuyết quan trọng để phân tích mối quan hệ giữa phát triển xã hội và biến đổi văn hóa trong thế giới đương đại.

Biến đổi văn hóa trong tiến trình hiện đại hóa là một quá trình phức hợp phản ánh sự chuyển dịch từ hệ giá trị, chuẩn mực và thực hành truyền thống sang những khuôn mẫu mới phù hợp với điều kiện của xã hội hiện đại. Theo lý thuyết hiện đại hóa cổ điển, các xã hội khi phát triển về kinh tế, công nghiệp và đô thị sẽ trải qua sự thay đổi văn hóa theo hướng từ định hướng cộng đồng sang định hướng cá nhân, từ niềm tin tôn giáo sang tư duy duy lý, từ quan hệ dựa trên huyết thống sang quan hệ dựa trên chức năng xã hội (Parsons, 1964; Rostow, 1960). Sự biến đổi này không chỉ thể hiện trong hành vi tiêu dùng, lối sống và cách thức giao tiếp, mà còn trong các thiết chế như gia đình, giáo dục, và cộng đồng địa phương. Giddens (1990) nhấn mạnh rằng hiện đại hóa tạo ra các “dòng chảy toàn cầu” làm gia tăng sự tiếp xúc giữa các nền văn hóa, từ đó dẫn đến quá trình lai ghép hoặc xung đột giá trị. Trong cách tiếp cận hiện đại hóa mới, Inglehart và Welzel (2005) cho rằng biến đổi văn hóa không hoàn toàn xóa bỏ truyền thống, mà thường kết hợp giữa giá trị mới và cũ, tạo ra các mô hình đa dạng của hiện đại hóa. Tuy nhiên, tiến trình này cũng đối mặt với các phê phán từ lý thuyết phụ thuộc và hậu thuộc địa, nhấn mạnh rằng sự biến đổi văn hóa thường diễn ra không đồng đều và chịu ảnh hưởng từ quyền lực toàn cầu. Như vậy, biến đổi văn hóa trong hiện đại hóa vừa mang tính phổ quát, phản ánh các động lực toàn cầu, vừa mang tính đặc thù, được định hình bởi bối cảnh lịch sử và bản sắc văn hóa của từng xã hội.

Tiếp cận lý thuyết hiện đại hóa và biến đổi văn hóa trong nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị dựa trên luận điểm cơ bản cho rằng sự thay đổi văn hóa là tất yếu, gắn liền với quá trình phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa. Văn hóa vừa là động lực, vừa là sản phẩm của quá trình hiện đại hóa; tuy nhiên, sự biến đổi này luôn mang tính đặc thù, phản ánh sự tương tác giữa các giá trị toàn cầu và bản sắc bản địa (Inglehart & Welzel, 2005; Eisenstadt, 2000). Theo hướng tiếp cận đó, khuôn mẫu văn hóa ứng xử của cư dân đô thị có xu hướng chuyển dịch từ hệ giá trị truyền thống sang hệ giá trị hiện đại. Vai trò của gia đình và cộng đồng truyền thống suy giảm, trong khi hành động của cá nhân ngày càng dựa trên lý trí và lợi ích. Quá trình này thể hiện xu hướng cá nhân hóa, trong đó con người hành động theo quy định pháp luật hơn là theo thói quen hay tập quán (Bell, 1973; Inglehart, 1997). Theo đó, sự hình thành các khuôn mẫu văn hóa ứng xử mới ở cộng đồng đô thị diễn ra dưới tác động mạnh mẽ của biến đổi kinh tế-xã hội, song vẫn duy trì sự bảo lưu và kế thừa các yếu tố truyền thống. Nghiên cứu văn hóa ở cộng đồng đô thị vì vậy giúp nhận diện rõ hơn sự biến đổi trong văn hóa ứng xử của con người: mức độ hiện đại hóa và cá nhân hóa đã tác động như thế nào, các giá trị

truyền thống còn chi phối ra sao đối với hành vi tuân thủ pháp luật hay hành vi theo tập quán/thói quen. Đây cũng là cơ sở quan trọng để xây dựng mô hình văn hóa ứng xử đặc trưng của cư dân đô thị trong xã hội hiện nay.

3. Bàn luận

Văn hóa cộng đồng đô thị là một chủ đề nghiên cứu khó bởi tính phức tạp của những biến đổi xã hội sâu sắc dưới tác động của đô thị hóa, công nghiệp hóa và toàn cầu hóa. Các phân tích cho thấy mỗi tiếp cận có điểm mạnh riêng trong việc lý giải các khía cạnh khác nhau của văn hóa cộng đồng, đồng thời cũng có những giới hạn cần được nhận diện. Trường phái chức năng luận nhấn mạnh vai trò ổn định và điều tiết xã hội của văn hóa cộng đồng, trong khi trường phái tương tác biểu trưng lại phân tích văn hóa cộng đồng như sản phẩm của giao tiếp thường nhật. Những hướng tiếp cận hậu cấu trúc, hậu hiện đại hay lý thuyết hiện đại hóa tiếp tục mở rộng cách hiểu văn hóa như là sự lai ghép, sự biến đổi không ngừng trong điều kiện toàn cầu hóa và xã hội thông tin.

Có thể thấy, xã hội học đã phát triển một loạt các cách tiếp cận với văn hóa, từ cấu trúc đến hành vi, từ quy mô vĩ mô đến tương tác vi mô, từ giả định ổn định đến nhấn mạnh tính phân mảnh. Chính sự đa dạng này là cơ sở để hình thành những hướng nghiên cứu liên ngành, đa chiều và phù hợp với bối cảnh đời sống cộng đồng đô thị đang ngày càng phức tạp hiện nay. Quá trình vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu văn hóa cộng đồng đô thị cần lưu một số điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, mỗi lý thuyết chỉ làm nổi bật một khía cạnh của văn hóa cộng đồng đô thị, do đó việc vận dụng cần đặt trong giới hạn giải thích của từng tiếp cận. Không nên tuyệt đối hóa một lý thuyết mà cần xác định rõ mục tiêu nghiên cứu để lựa chọn khung phân tích phù hợp.

Thứ hai, khi áp dụng chức năng luận và tương tác biểu trưng, cần cân bằng giữa phân tích vi mô và vĩ mô. Chức năng luận giúp hiểu tính ổn định của văn hóa cộng đồng đô thị, nhưng dễ bỏ qua xung đột và sự đa dạng; trong khi tương tác biểu trưng nhấn mạnh thực hành thường nhật nhưng hạn chế trong việc lý giải các yếu tố cấu trúc lớn. Sự kết hợp hài hòa giữa hai tiếp cận sẽ cho cái nhìn toàn diện hơn.

Thứ ba, khi vận dụng các lý thuyết hậu cấu trúc và hậu hiện đại, cần chú ý phân tích diễn ngôn, quyền lực và tính lai ghép của văn hóa cộng đồng đô thị. Tuy nhiên, các tiếp cận này không nhấn mạnh tính ổn định xã hội, vì vậy cần đặt chúng trong đối thoại với những lý thuyết truyền thống để tránh nhìn nhận văn hóa cộng đồng đô thị quá phân mảnh hoặc phi cấu trúc.

Thứ tư, việc vận dụng các lý thuyết vào bối cảnh Việt Nam cần được điều chỉnh theo đặc thù đô thị trong nước, bao gồm sự đa dạng về vùng miền, tầng lớp, lối sống và trải nghiệm của cư dân. Lý thuyết chỉ phát huy hiệu quả khi được sử dụng một cách linh hoạt, phù hợp với dữ liệu thực tế và điều kiện xã hội-văn hóa cụ thể.

Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, nghiên cứu văn hóa ở cộng đồng đô thị mang tính thực tiễn cao, đặc biệt là trong xây dựng chính sách văn hóa, ưu tiên nhấn mạnh văn hóa

ứng xử nhằm phát triển đô thị và thúc đẩy sự gắn kết xã hội. Xây dựng mô hình văn hóa ứng xử phù hợp với đời sống đô thị không chỉ là nhiệm vụ của giới nghiên cứu, mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội trong việc kiến tạo một cộng đồng đô thị văn minh và bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Bell, D. 1973. *The Coming of Post-Industrial Society*. New York: Basic Books.
- Bourdieu, P. 1977. Cultural reproduction and social reproduction. In J. Karabel & A. H. Halsey (Eds.), *Power and Ideology in Education* (pp. 487-511). Oxford University Press
- Bourdieu, P. 1984. *Distinction: A Social Critique of the Judgement of Taste* (Translation by R. Nice). London: Routledge. (Bản gốc xuất bản năm 1979 tại Paris bởi Éditions de Minuit)
- Durkheim E..1912. *The elementary forms of religious life* (Translation by Carol Cosman). Oxford University, 2001
- Đoàn Văn Chúc, 1997, *Xã hội học văn hóa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- Eisenstadt, S. N. 2000. *Multiple Modernities*. *Daedalus* (1-29).
- Foucault, M. 1969. *The Archaeology of Knowledge*. (Translation by A. M. Sheridan Smith). London: Routledge.
- Goffman, E. 1959. *The Presentation of Self in Everyday Life*. Garden City, NY: Doubleday.
- Giddens, A. 1990. *The Consequences of Modernity*. Stanford University Press
- Inglehart, R. 1997. *Modernization and Postmodernization*. Princeton University Press.
- Inglehart, R., & Welzel, C. 2005. *Modernization, Cultural Change and Democracy: The Human Development Sequence*. Cambridge University Press.
- Lary Lyon & Robyn Driskell, 2012, *The Community in Urban Society*, Michael Walker, Fort Hays State University
- Mead, G. H. 1934. *Mind, Self and Society*. Chicago: University of Chicago Press.
- Merton, R. K. 1968. *Social Theory and Social Structure* (Enlarged ed.). New York: Free Press
- Parsons, T. 1951. *The Social System*. Free Press Publisher.
- Parsons, T. 1964. *Social System*. Free Press.
- Parsons, T. 1971. *The system of modern societies*. Prentice Hall Publisher.
- Robert Putnam. 2000. *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community*, New York: Simon and Schuster.
- Rostow, W. W. 1960. *The Stages of Economic Growth: A Non-Communist Manifesto*. Cambridge University Press
- Weber, M. 1920. *Die protestantische Ethik und der Geist des Kapitalismus*. Bản dịch: *Đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản* (Nguyễn Hữu Phúc dịch năm 2020). Nxb Tri Thức.